

Bản án số: 131/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 22-8-2017

V/v tranh chấp “ Xin ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Tới.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Lê Văn Xuyên**.

Bà Nguyễn Thị Ly.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang: Bà Đoàn Thụy Thùy Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 450/2016/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2016 về việc tranh chấp “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 126/2017/QĐST - HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Kim C, sinh năm 1981. (Có mặt)

Cư trú: Số 404, ấp K1, xã T, huyện C, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1982. (Có mặt)

Hộ khẩu thường trú: Ấp K1, xã T, huyện C, tỉnh An Giang.

Tạm trú: Ấp H, xã G, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 14 tháng 10 năm 2016 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị Kim C trình bày:

Bà và ông H sống chung với nhau năm 2003, không có đăng ký kết hôn, sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân đến nay. Nguyên nhân

do tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên cự cãi. Hiện nay tình cảm không còn, xin được ly hôn với ông H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Lê Trường T, sinh ngày 05/9/2005; Nguyễn Lê Văn T1, sinh ngày 11/3/2009. Hiện nay cháu T, cháu T1 đang sống với bà. Khi ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung, yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung: Bà C xin rút lại yêu cầu chia tài sản chung gồm 02 chiếc xe như sau:

- 01 chiếc xe 70 cánh én giá 2.100.000 đồng mua xe vào năm 2014.
- 01 chiếc xe hiệu Future do ông H mua, bà không biết ông H mua xe của ai với giá 24.000.000 đồng, mua vào năm 2014.

Vợ chồng đã tự thỏa thuận phân chia tài sản chung của vợ chồng trước khi Tòa án hòa giải và yêu cầu Tòa án ghi nhận thỏa thuận này vào bản án, cụ thể như sau:

Vợ chồng có diện tích đất nông nghiệp gồm 5.104,0m² vợ chồng thỏa thuận như sau:

Sau khi ly hôn, bà Lê Thị Kim C được quyền sử dụng diện tích đất 2017m² thể hiện tại các mốc điểm 1, 2, 3, 4 theo sơ đồ hiện trạng khu đất tranh chấp giữa ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị Kim C ngày 28/02/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh huyện Chợ Mới, đất tọa lạc ấp K1, xã T, huyện C, tỉnh An Giang. Hiện bà C đang quản lý, sử dụng.

Ông Nguyễn Văn H được quyền sử dụng diện tích đất 3087m² thể hiện tại các mốc điểm 1, 2, 3, 4, 5 theo sơ đồ hiện trạng khu đất tranh chấp giữa ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị Kim C ngày 28/02/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh huyện Chợ Mới, đất tọa lạc ấp K2, xã T, huyện C, tỉnh An Giang. Hiện ông H đang quản lý, sử dụng.

Ông Nguyễn Văn H hoàn lại cho bà Lê Thị Kim C giá trị tài sản chênh lệch của vợ chồng với số tiền là 34.775.000 (ba mươi bốn triệu bảy trăm bảy mươi lăm ngàn) đồng.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn H trình bày: Thời gian chung sống, thời gian ly thân và những mâu thuẫn bà C trình bày là đúng. Nay bà C xin ly hôn, ông đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Lê Trường T, sinh ngày 05/9/2005; Nguyễn Lê Văn T1, sinh ngày 11/3/2009. Hiện cháu T, cháu T1 đang sống với bà C. Khi ly hôn, ông đồng ý để bà C được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung, đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu mỗi tháng 650.000 (sáu trăm năm mươi ngàn) đồng đến khi cháu T, cháu T1 thành niên.

- Về tài sản chung: Vợ chồng đã tự thỏa thuận phân chia tài sản chung của vợ chồng trước khi Tòa án hòa giải và yêu cầu Tòa án ghi nhận thỏa thuận này vào bản án như trên.

- Về chi phí đo đạc 1.846.900 (một triệu tám trăm bốn mươi sáu ngàn chín trăm) đồng, chi phí định giá 800.000 (tám trăm ngàn) đồng ông H và bà C thỏa thuận như sau:

Bà Lê Thị Kim C tự nguyện chịu 923.450 (chín trăm hai mươi ba ngàn bốn trăm năm mươi) đồng chi phí đo đạc và 400.000 (bốn trăm ngàn) đồng chi phí định giá. Tổng cộng 1.323.450 (một triệu ba trăm hai mươi ba ngàn bốn trăm năm mươi) đồng.

Ông Nguyễn Văn H tự nguyện chịu 923.450 (chín trăm hai mươi ba ngàn bốn trăm năm mươi) đồng chi phí đo đạc và 400.000 (bốn trăm ngàn) đồng chi phí định giá. Tổng cộng 1.323.450 (một triệu ba trăm hai mươi ba ngàn bốn trăm năm mươi) đồng.

- Về nợ chung: Bà C và ông H thống nhất không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng*: Bà Lê Thị Kim C khởi kiện ông Nguyễn Văn H, ông H cư trú ấp H, xã G, huyện C, tỉnh An Giang, Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, phù hợp theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về hôn nhân*: Bà C và ông H sống chung với nhau vào năm 2003 nhưng không đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa bà C và ông H không được pháp luật thừa nhận và bảo vệ, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Căn cứ vào Điều 14 Luật hôn gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử không công nhận bà C và ông H là vợ chồng.

[3]. *Về con chung*: Vợ chồng 02 con chung tên Nguyễn Lê Trường T, sinh ngày 05/9/2005; Nguyễn Lê Văn T1, sinh ngày 11/3/2009. Hiện cháu T, cháu T1 đang sống với bà C. Khi ly hôn, bà C và ông H thỏa thuận như sau: Bà C được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung tên Nguyễn Lê Trường T, sinh ngày 05/9/2005; Nguyễn Lê Văn T1, sinh ngày 11/3/2009, cháu T, cháu T1 cũng có nguyện vọng sống với mẹ. Xét thấy, sự thỏa thuận giữa các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với nguyện vọng của cháu T và cháu T1. Do đó, Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận giữa bà C và ông H.

[4]. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Bà C và ông H thỏa thuận, ông H cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu mỗi tháng 650.000 (sáu trăm năm mươi ngàn) đồng đến khi cháu

T, cháu T1 thành niên. Xét thấy, sự thỏa thuận giữa các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận giữa bà C và ông H.

[5]. *Về tài sản chung*: Bà C, ông H đã tự thỏa thuận phân chia tài sản chung của vợ chồng trước khi Tòa án hòa giải và yêu cầu Tòa án ghi nhận thỏa thuận này vào bản án, quyết định, cụ thể như sau:

Vợ chồng có diện tích đất nông nghiệp gồm 5.104,0m² vợ chồng thỏa thuận như sau:

Sau khi ly hôn, bà Lê Thị Kim C được quyền sử dụng diện tích đất 2017m² thể hiện tại các mốc điểm 1, 2, 3, 4 theo sơ đồ hiện trạng khu đất tranh chấp giữa ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị Kim C ngày 28/02/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh huyện Chợ Mới, đất tọa lạc ấp K1, xã T, huyện C, tỉnh An Giang. Hiện bà C đang quản lý, sử dụng.

Ông Nguyễn Văn H được quyền sử dụng diện tích đất 3087m² thể hiện tại các mốc điểm 1, 2, 3, 4, 5 theo sơ đồ hiện trạng khu đất tranh chấp giữa ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị Kim C ngày 28/02/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh huyện C, đất tọa lạc ấp K2, xã T, huyện C, tỉnh An Giang. Hiện ông H đang quản lý, sử dụng.

Ông Nguyễn Văn H hoàn lại cho bà Lê Thị Kim C giá trị tài sản chênh lệch của vợ chồng với số tiền là 34.775.000 (ba mươi bốn triệu bảy trăm bảy mươi lăm ngàn) đồng.

Ông Nguyễn Văn H, bà Lê Thị Kim C tự liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để kê khai đăng ký lại quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

Xét thấy, sự thỏa thuận giữa các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận giữa bà C và ông H. Theo hướng dẫn tại Điều 16 Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13 tháng 6 năm 2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, bà C, ông H đã tự thỏa thuận phân chia tài sản trước khi Tòa án tiến hành hòa giải và yêu cầu Tòa án ghi nhận trong bản án nên ông, bà không phải chịu án phí.

Bà C rút lại yêu cầu đối với yêu cầu chia tài sản chung gồm 02 chiếc xe gắn máy: 01 chiếc xe 70 cánh én và 01 chiếc xe hiệu Future. Việc rút lại yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà C về yêu cầu chia tài sản chung đối với chiếc xe 70 cánh én và chiếc xe hiệu Future. Bà C, ông H không phải chịu án phí đối với yêu cầu đã đình chỉ xét xử.

[6]. *Về nợ chung*: Không có.

Ghi nhận hai bên xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung

của bà C và ông H thì ông, bà phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[7]. *Về chi phí đo đạc, định giá*: Chi phí đo đạc 1.846.900 (một triệu tám trăm bốn mươi sáu ngàn chín trăm) đồng, chi phí định giá 800.000 (tám trăm ngàn) đồng.

Bà Lê Thị Kim C tự nguyện chịu 923.450 (chín trăm hai mươi ba ngàn bốn trăm năm mươi) đồng chi phí đo đạc và 400.000 (bốn trăm ngàn) đồng chi phí định giá. Tổng cộng 1.323.450 (một triệu ba trăm hai mươi ba ngàn bốn trăm năm mươi) đồng.

Ông Nguyễn Văn H tự nguyện chịu 923.450 (chín trăm hai mươi ba ngàn bốn trăm năm mươi) đồng chi phí đo đạc và 400.000 (bốn trăm ngàn) đồng chi phí định giá. Tổng cộng 1.323.450 (một triệu ba trăm hai mươi ba ngàn bốn trăm năm mươi) đồng.

Số tiền trên bà Lê Thị Kim C đã tạm nộp, ông H có trách nhiệm hoàn lại cho bà C 1.323.450 (một triệu ba trăm hai mươi ba ngàn bốn trăm năm mươi) đồng.

[8]. *Về án phí*: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH 12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí Tòa án, bà Lê Thị Kim C, ông Nguyễn Văn H phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 14, 58, 59, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Điều 28, 35, 39, 147, 244, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH 12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Về hôn nhân: Không công nhận bà Lê Thị Kim C với ông Nguyễn Văn H là vợ chồng.

[2]. Về con chung:

Công nhận sự thỏa thuận giữa bà Lê Thị Kim C với ông Nguyễn Văn H:

Bà Lê Thị Kim C được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung tên:

- Nguyễn Lê Trường T, sinh ngày 05/9/2005.

- Nguyễn Lê Văn T1, sinh ngày 11/3/2009.

[3]. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Ông Nguyễn Văn H cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu mỗi tháng 650.000 (sáu trăm năm mươi ngàn) đồng đến khi cháu T, cháu T1

thành niên.

Bà Lê Thị Kim C cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Nguyễn Văn H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[4]. Về tài sản chung:

Công nhận sự thỏa thuận giữa bà Lê Thị Kim C với ông Nguyễn Văn H:

Bà Lê Thị Kim C được quyền sử dụng diện tích đất 2017m² thể hiện tại các mốc điểm 1, 2, 3, 4 theo sơ đồ hiện trạng khu đất tranh chấp giữa ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị Kim C ngày 28/02/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Đất tọa lạc ấp K1, xã T, huyện C, tỉnh An Giang. Hiện bà C đang quản lý, sử dụng.

Ông Nguyễn Văn H được quyền sử dụng diện tích đất 3087m² thể hiện tại các mốc điểm 1, 2, 3, 4, 5 theo sơ đồ hiện trạng khu đất tranh chấp giữa ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị Kim C ngày 28/02/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Đất tọa lạc ấp K2, xã T, huyện C, tỉnh An Giang. Hiện ông H đang quản lý, sử dụng.

Ông Nguyễn Văn H hoàn lại cho bà Lê Thị Kim C số tiền 34.775.000 (ba mươi bốn triệu bảy trăm bảy mươi lăm ngàn) đồng.

Bà Lê Thị Kim C, ông Nguyễn Văn H tự liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để kê khai đăng ký lại quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Kim C đối với yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng gồm 02 chiếc xe gắn máy: 01 chiếc xe 70 cánh én và 01 chiếc xe hiệu Future.

[5]. Về chi phí đo đạc, định giá:

Công nhận sự thỏa thuận giữa bà Lê Thị Kim C với ông Nguyễn Văn H:

Bà Lê Thị Kim C tự nguyện chịu 923.450 (chín trăm hai mươi ba ngàn bốn trăm năm mươi) đồng chi phí đo đạc và 400.000 (bốn trăm ngàn) đồng chi phí định giá. Tổng cộng 1.323.450 (một triệu ba trăm hai mươi ba ngàn bốn trăm năm mươi) đồng. Bà C đã nộp đủ.

Ông Nguyễn Văn H hoàn lại cho bà Lê Thị Kim C chi phí đo đạc 923.450 (chín trăm hai mươi ba ngàn bốn trăm năm mươi) đồng và 400.000 (bốn trăm ngàn) đồng chi phí định giá. Tổng cộng 1.323.450 (một triệu ba trăm hai mươi ba ngàn bốn trăm năm mươi) đồng.

[6]. Về án phí: Bà Lê Thị Kim C phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 200.000 (hai trăm ngàn) đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.587.500

(bốn triệu năm trăm tám mươi bảy ngàn năm trăm) đồng theo biên lai thu tiền số 0004597 ngày 14/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Bà Lê Thị Kim C được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 4.387.500 (bốn triệu ba trăm tám mươi bảy ngàn năm trăm) đồng theo biên lai thu số 0004597 ngày 14/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Ông Nguyễn Văn H phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 bộ luật Dân sự năm 2015.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới ;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Các đương sự;
- Lưu./.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Thẩm phán đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thành Tới